

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện
hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Văn bản số 11/TTQT-PT ngày 15 tháng 3 năm 2018 đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và Văn bản số 42A/TTQT-PT ngày 10 tháng 9 năm 2018 nộp điều chỉnh phụ lục danh sách các thông số mở rộng đề nghị chứng nhận quan trắc môi trường của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc gia hạn, điều chỉnh bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với "**Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang**", mã số **VIMCERTS 096** (Chi tiết phạm vi được chứng nhận bổ sung trong Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với lĩnh vực và phạm vi được chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm, kể từ ngày ký.

Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Sở TN&MT tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL, V (10)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục
LĨNH VỰC PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Đối với Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang

(Kèm theo Quyết định số 3728/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Nước

1.1. Nước mặt

1.1.1. Quan trắc hiện trường

- Thông số (Đo tại hiện trường)

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2012	4 ÷ 50
3.	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4.	Độ đục	TCVN 6184:2008	0 ÷ 1000 NTU
5.	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2012	0 ÷ 50 mS/cm
6.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	BG-HT01	0 ÷ 1999 mg/L

BG-HT01: quy trình hướng dẫn đo TDS tại hiện trường

- Lấy mẫu và bảo quản:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Lấy mẫu nước mặt	TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-6:2018; TCVN 5994:1995; TCVN 6663-3:2016

1.1.2. Phân tích môi trường

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	3,0 mg/L
2.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2012	3,0 mg/L
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1: 2008	1,0 mg/L
		SMEWW 5210D:2012	1,0 mg/L